

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2020/HS-ST
Ngày 10-01-2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ - TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tống Xuân Tú
2. Bà Vũ Thị Khánh Hòa

- Thư ký phiên toà: Ông Lương Văn Tuấn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà - tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 97/2019/TLST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2019/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo:

Hoàng Đình N, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn A, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Đình S và bà Nguyễn Thị G; có vợ Bùi Thị Á và 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” “có mặt”.

Bị hại: Anh Trần Xuân Đ, sinh năm 1983 (đã chết)

Trú tại: Thôn T, xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Những người đại diện hợp pháp cho bị hại:

- 1 – Ông Trần Văn R, sinh năm 1950 (là bố đẻ anh Đ)
- 2 – Bà Trần Thị B, sinh năm 1953 (là mẹ đẻ anh Đ)

Đều trú tại: Thôn Kh, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

- 3 – Chị Lê Thị Th, sinh năm 1985 (là vợ anh Đ)

Trú tại: Thôn T, xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình.

(Ông Rạng, bà Ban ủy quyền cho chị Thùy)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Cháu Trần Minh Đ, sinh năm 2014 (là con anh Đ)

Người đại diện theo pháp luật của cháu Đức là chị Lê Thị Th (là mẹ của cháu Đ) “vắng mặt”.

Người làm chứng:

1. Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1983,

Địa chỉ: Khu Nh, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình “vắng mặt”.

2. Anh Nguyễn Xuân S, sinh năm 1965,

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình “vắng mặt”.

3. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1990,

Địa chỉ: Thôn Th, xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình “vắng mặt”.

2. Anh Nguyễn Thế Ph, sinh năm 1960,

Địa chỉ: Khu Nh, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 ngày 31/7/2019, Hoàng Đình N là người có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX màu xanh- bạc, biển kiểm soát 14S1-7769 đi hướng từ thị trấn H về huyện Đ. Nam điều khiển xe với tốc độ khoảng 50km/h trong điều kiện thời tiết bình thường, khô ráo, tầm nhìn không bị hạn chế, che khuất, ánh sáng ban ngày, mật độ người và phương tiện tham gia giao thông ít. Khi đi đến km 58+800m Quốc lộ 39A thuộc địa phận Khu Nh, thị trấn H, huyện H, thì phát hiện phía trước cách khoảng 15 mét, chỗ ngã ba đoạn đường giao nhau với đường không ưu tiên (biển cảnh báo nguy hiểm ký hiệu W207d) có 01 xe mô tô Wave & màu đỏ, đen, biển kiểm soát 17M4-2565 do anh Trần Xuân Đ điều khiển, chờ phía sau là cháu Trần Minh Đ, (là con trai anh Đ) đi hướng ngược chiều trên phần đường bên phải theo chiều đi của N và đang chuyển hướng sang đường. Do không làm chủ tốc độ, không kịp xử lý tình huống nên khi N điều khiển xe mô tô chuyển hướng về phía bên trái theo chiều đi của N khiến bánh xe mô tô phía trước của N va chạm với cần số bên trái, giá đỡ chân giữa bên trái xe mô tô của anh Đ làm cả 2 xe đều đổ ra đường. Hậu quả: Anh Đ bị thương, được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa huyện H, sau đó chuyển đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình và chết lúc 10 giờ 40 phút ngày 01/8/2019. Nam và cháu Đ bị thương nhẹ.

Tại bản kết luận giám định pháp y tử thi số 141/PY/PC09 ngày 06/8/2019, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận: Các dấu hiệu chính qua giám định: Đa chấn thương vùng đầu và toàn thân do tai nạn giao thông gây

xuất huyết dưới nhện, dập não. Nguyên nhân chết: Nạn nhân Trần Xuân Đ chết do chấn thương sọ não.

Tại bản cáo trạng số 100/CT- VKSHH ngày 29- 11- 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà truy tố bị cáo Hoàng Đình N về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự (viết tắt BLHS).

Tại phiên tòa bị cáo Nam khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung bản cáo trạng.

Tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xử bị cáo N phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”; áp dụng điểm a khoản 1 điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 BLHS; phạt bị cáo tù 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02(hai) năm đến 3 (ba) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Vật chứng của vụ án: Đối với 01 chiếc xe mô tô, biển kiểm soát 17M4 – 2565, Công an huyện Hưng Hà đã trả lại cho chị Th (vợ anh Đ) là phù hợp. Đối với 01 chiếc xe mô tô, biển kiểm soát 14S1 – 7769, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 14S1 – 7769, Công an huyện H xác định chủ sở hữu là ông Hoàng Đình S (bố đẻ của bị cáo), khi bị cáo sử dụng chiếc xe mô tô trên gây tai nạn, ông S không biết nên đã trả lại cho ông S là phù hợp. Đối với 01 giấy phép lái xe mang tên Hoàng Đình N cần trả lại cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo N và gia đình đã tự nguyện bồi thường cho đại diện người bị hại số tiền 120.000.000 đồng. Gia đình người bị hại không yêu cầu bồi thường thêm khoản nào. Đối với thương tích của cháu Trần Minh Đ đại diện cho cháu Đ là chị Th (mẹ đẻ) từ chối giám định thương tích và không đề nghị bị cáo bồi thường trách nhiệm dân sự.

Bị cáo N không tranh luận gì, đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện Hưng Hà, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội, chứng cứ buộc tội đối với bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Báo cáo về vụ việc của Công an thị trấn H, huyện H; sơ đồ hiện trường; biên bản khám nghiệm hiện trường; biên bản khám nghiệm phương tiện xe mô tô biển kiểm soát 14S1 – 7769 và xe mô tô biển kiểm soát 17M4 - 2565; biên bản khám nghiệm tử thi và Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 141/PY/PC09 ngày 06/8/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình; bản ảnh hiện trường, bản ảnh khám nghiệm phương tiện, bản ảnh tử thi; Biên bản ghi lời khai của những người làm chứng: Chị Nguyễn Thị Thu H.; anh Nguyễn Xuân S; chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Thế Ph. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 18 giờ 30 ngày 31/7/2019, tại km 58+800m Quốc lộ 39A thuộc địa phận Khu Nh, thị trấn H, huyện H bị cáo N là người có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX màu xanh, bạc, biển kiểm soát 14S1-7769 đi hướng từ thị trấn H về huyện Đ, không làm chủ tốc độ, không chú ý quan sát khi chuyển hướng tránh xe đi ngược chiều đã va chạm với xe mô tô Wave & màu đỏ, đen, biển kiểm soát 17M4-2565 do anh Trần Xuân Đ điều khiển. Hậu quả, anh Đ bị thương, được đưa đi cấp cứu và chết lúc 10 giờ 40 phút ngày 01/8/2019.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã vi phạm khoản 1 Điều 17 Luật giao thông đường bộ; khoản 1, 2, 5, 8 Điều 5 Thông tư số 91/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ giao thông vận tải. Vì vậy, hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Điều 17. Tránh xe đi ngược chiều

“1. Trên đường không phân chia thành hai chiều xe chạy riêng biệt, hai xe đi ngược chiều tránh nhau, người điều khiển phải giảm tốc độ và cho xe đi về bên phải theo chiều xe chạy của mình...”

Điều 5. Các trường hợp phải giảm tốc độ

“Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ thấp hơn tốc độ tối đa cho phép (có thể dừng lại một cách an toàn) trong các trường hợp sau:

- 1. Có biển cảnh báo nguy hiểm hoặc có chướng ngại vật trên đường.*
- 2. Chuyển hướng xe chạy hoặc tầm nhìn bị hạn chế.*

...

5. Qua khu vực có trường học, bệnh viện, bến xe, công trình công cộng tập trung nhiều người; khu vực đông dân cư, nhà máy, công sở tập trung bên đường; khu vực đang thi công trên đường bộ; hiện trường xảy ra tai nạn giao thông.

- 8. Tránh xe chạy ngược chiều hoặc khi cho xe chạy sau vượt.”*

Điều 260: Bộ luật Hình sự, Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ

“1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Làm chết người;

b)

5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo N là nguy hiểm cho xã hội, đã điều khiển xe ô tô vi phạm quy tắc giao thông đường bộ được quy định trong Luật giao thông đường bộ, xâm phạm đến an toàn công cộng, trật tự công cộng, đồng thời xâm phạm đến tính mạng của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Tuy nhiên bị cáo N có nhân thân tốt, bị cáo N không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại điều 52 BLHS, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả bồi thường các khoản thiệt hại cho gia đình người bị hại; Gia đình người bị hại có đơn đề nghị xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo phạm tội do một phần lỗi của anh Trần Xuân Đ khi điều khiển xe mô tô tham gia giao thông chuyển hướng đã không quan sát, không nhường đường cho xe đi ngược chiều, đã vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 15 Luật giao thông đường bộ. Nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Từ các nhận xét trên, xét thấy chỉ cần phạt tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách nhất định, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục cũng có đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung cho xã hội, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự: bị cáo N và gia đình đã tự nguyện bồi thường cho đại diện người bị hại số tiền 120.000.000 đồng. Đại diện người bị hại không yêu cầu bồi thường khoản tiền nào khác. Đối với thương tích của cháu Đ, đại diện là chị Th (mẹ đẻ) từ chối giám định thương tích và không đề nghị bị cáo bồi thường trách nhiệm dân sự. Do vậy về trách nhiệm dân sự không xem xét giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: Công an huyện Hưng Hà đã trả lại cho chị Th (vợ anh Đ) chiếc xe mô tô biển kiểm soát 17M4 – 2565; trả lại cho ông Hoàng Đình S bố đẻ của bị cáo N chiếc xe mô tô biển kiểm soát 14S1 – 7769 và 01 giấy chứng nhận đăng

ký xe mô tô biển kiểm soát 14S1 – 7769 là phù hợp với quy định của pháp luật. Trả lại cho bị cáo N 01 giấy phép lái xe mang tên bị cáo.

Bị cáo N phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Từ nhận xét trên,

QUYẾT ĐỊNH

- **Tuyên bố:** Bị cáo **Hoàng Đình N** phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Đình N **01 (một) năm 06 (sáu) tháng** tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03(ba) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo N cho UBND xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Bình nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại bị cáo N 01 giấy phép lái xe mang tên Hoàng Đình N (Vật chứng trên do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình đang quản lý).

Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 BLTTHS và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí, bị cáo N phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông R, bà B và chị Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Công an huyện H;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Thị Nhàn